TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12 – 9 - 2025
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Phương Thuý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cầm Văn Tổ

2. Ông Bùi Nguyên Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyến - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 tham gia phiên toà*:* Bà Nguyễn Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 10/12/1975. Địa chỉ: Thôn A, xã B, tỉnh Sơn La. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh Minh C, sinh ngày 19/7/1971. Địa chỉ: Thôn A, xã B, tỉnh Sơn La. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 8 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày như sau:

Chị và anh Nguyễn Thanh Minh C kết hôn với nhau từ năm 1994 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (nay là xã B, tỉnh Sơn La) theo quy định và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/12/1994. Anh chị đã được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống

không được hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai anh chị có quan điểm sống không phù hợp. Hai anh chị sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng với anh C đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Minh C.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 21/5/1996 và Nguyễn Chí Minh M, sinh ngày 20/11/2001 đều đã trưởng thành nên chị H không có ý kiến về việc nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị tại phiên tòa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã đến địa phương nơi cư trú của chị H và anh C để thực hiện tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng và ghi nhận ý kiến của anh C về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, do anh C thường xuyên không có mặt tại địa phương nơi cư trú nên Tòa án đã niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả công khai tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa tuy nhiên anh C vẫn không có mặt để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tiến hành xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng của anh C và chị H với ông Nguyễn Văn F (Bí thư – trưởng thôn A, xã B, tỉnh Sơn La). Ông F xác nhận anh Nguyễn Thanh Minh C và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng hợp pháp và có hộ khẩu thường trú tại thôn A. Mặc dù thôn chưa được tổ chức hoà giải mâu thuẫn vợ chồng cho chị H và anh C nhưng được biết hai anh chị đã sống ly thân từ lâu. Chị H có thời gian đi xuất khẩu lao động nay đã về địa phương, anh C hiện đi làm thuê xa nhà nhưng không thông báo cho chính quyền thôn nên không biết địa chỉ nơi làm việc của anh C hiện nay. Tuy nhiên, bố mẹ và anh chị của anh C cũng cư trú tại thôn A nên anh C vẫn thường xuyên về địa phương. Anh C và chị H có 02 người con chung đều đã trưởng thành. Đối với yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh C, đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản ghi ý kiến của anh Nguyễn Thanh Minh C qua số điện thoại 0329.926.571 do chị H cung cấp và có sự tham gia chứng kiến của ông Nguyễn Văn F (Bí thư – trưởng thôn A, xã B, tỉnh Sơn La): Anh C xác nhận anh và chị Nguyễn Thị H tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn hai anh chị chung sống không hạnh phúc do có nhiều mâu thuẫn và hiện đang sống ly thân. Anh C nhất trí ly hôn với

chị H. Về con chung: anh C và chị H có 02 con chung đều đã trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung: anh C xác nhận hai anh chị sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh C cho biết do công việc không thể xin nghỉ để tham gia giải quyết vụ án tại Toà án nên anh đề nghị được vắng mặt trong các buổi làm việc và phiên toà của Toà án. Anh C không cung cấp địa chỉ nơi làm việc và sinh sống hiện tại.

Do anh C không có mặt tại địa phương, các đương sự không thống nhất được về nội dung có tranh chấp nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Sau khi chủ toạ công bố đơn xin xét xử vắng mặt của chị Nguyễn Thị H, lý do vắng mặt của anh Nguyễn Thanh Minh C và công bố tóm tắt nội dung vụ án, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, 266, 271, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử theo hướng:

+ Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Minh C.

+ Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thanh Minh C có 02 con chung là Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 21/5/1996 và Nguyễn Chí Minh M, sinh ngày 20/11/2001 (đều đã trưởng thành).

+ Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chấp nhận việc chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung vợ chồng.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của chị Nguyễn Thị H về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh Minh C. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề liên quan đến quan hệ hôn nhân. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân khu vực 4 thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quan hệ tranh chấp là xin ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

Trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với các đương sự trong vụ án. Tuy nhiên, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thanh Minh C tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 1994, anh chị đã được UBND xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (nay là xã Mai Sơn, tỉnh Sơn La) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/12/1994. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do hai anh chị không hợp về tính cách, quan điểm sống; Hai anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai anh chị không thể tiếp tục chung sống nên có nguyện vọng xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh Minh C. Quá trình xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương nơi anh chị sinh sống cũng thể hiện vợ chồng anh chị đã có mâu thuẫn với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh C mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thanh Minh C.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh C có 02 con chung là Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 21/5/1996 và Nguyễn Chí Minh M, sinh ngày 20/11/2001 đều đã trưởng

thành, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị H, anh C xác nhận không yêu cầu Toà án giải quyết về phần tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, 266, 271, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thanh Minh C.

2. Về con chung: Chị H và anh C có 02 con chung là Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 21/5/1996 và Nguyễn Chí Minh M, sinh ngày 20/11/2001 đều đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chấp nhận việc chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thanh Minh C không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung vợ chồng và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000184 ngày 08 tháng 8 năm 2025 tại Thi hành án Dân sự tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND KV4, tỉnh Sơn La;
- THADS tỉnh Sơn La;
- UBND xã Mai Sơn, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Phương Thúy